

Số: /TB-SVHTTDL

Tây Ninh, ngày tháng 04 năm 2024

THÔNG BÁO

Xét duyệt/Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023

Đơn vị được thông báo: Văn phòng Sở VHTTDL

Mã chương: 425

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Sở và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 20/3/2024.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm vốn đầu tư XDCB) của Văn phòng Sở như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí:

- | | |
|-----------------------------------|------------------|
| - Tổng số thu trong năm: | 109.625.000 đồng |
| - Số phải nộp ngân sách nhà nước: | 109.625.000 đồng |

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách:

- | | |
|---|----------------------|
| - Dự toán được sử dụng trong năm: | 11.047.982.979 đồng |
| trong đó: | |
| - Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: | 1.285.259.310 đồng |
| - Dự toán giao đầu năm: | 10.013.000.000 đồng |
| - Dự toán bổ sung trong năm: | 1.153.370.000 đồng |
| - Kinh phí giảm trong năm: | (1.168.750.000) đồng |
| - Kinh phí quyết toán: | 9.202.199.968 đồng |
| - Số dư kinh phí được chuyển sang năm: | 908.167.730 đồng |
| - Kinh phí hủy: | 937.615.281 đồng |

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

- | | |
|---------------------------------|--------------------|
| - Tổng số kinh phí đã xử lý: | 1.075.647.044 đồng |
| + Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: | 1.019.034.044 đồng |

+ Tổng số đã trả cho đối tượng phải trả: 56.613.000 đồng

- Đối với kinh phí bảo lãnh, bảo hành gói thầu xây lắp đường vành đai đoạn 1 – giai đoạn 1 thuộc dự án Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Du lịch Núi Bà Đen là 735.000.000 đồng: đang chờ kết quả bản án của Tòa án Thành phố Tây Ninh xử lý.

(UNC số CTG54 ngày 27/12/2023: 1.019.034.044; UNC số CTG59 ngày 09/01/2024: 4.031.000; UNC số CTG60 ngày 09/01/2024: 6.819.000; UNC số CTG61 ngày 09/01/2024: 9.426.000; UNC số CTG61 ngày 09/01/2024: 9.426.000; UNC số CTG62 ngày 09/01/2024: 36.337.000)

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

a. Kinh phí khoán (341):

a.1. Kinh phí khoán (341 – 13):

- Số dư KP năm trước chuyển sang:	77.259.310 đồng
- Dự toán giao trong năm:	5.531.000.000 đồng
- Dự toán giảm trong năm:	0 đồng
- Dự toán được sử dụng trong năm:	5.608.259.310 đồng
- Kinh phí quyết toán:	5.557.810.929 đồng
- Số dư KP chuyển sang năm sau:	50.448.381 đồng

a.2. Kinh phí CCTL khoán (341 – 14):

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán giao trong năm:	128.000.000 đồng
- Dự toán bổ sung trong năm:	205.070.000 đồng
- Kinh phí quyết toán:	329.450.651 đồng
- Số dư KP chuyển sang năm sau:	3.619.349 đồng

b. Kinh phí không khoán:

b.1. Kinh phí không khoán (341 – 12):

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán giao trong năm:	962.000.000 đồng
- Dự toán bổ sung trong năm:	917.500.000 đồng
- Dự toán giảm trong năm:	(180.000.000) đồng
- Kinh phí quyết toán:	714.248.901 đồng
- Số dư KP chuyển sang năm sau:	854.100.000 đồng
- KP hủy tại kho bạc (nguồn 12):	131.151.099 đồng

b.2. Kinh phí CCTL không khoán (341 – 14):

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán giao trong năm:	66.000.000 đồng

- Kinh phí quyết toán:	66.000.000 đồng
- Số dư KP chuyển sang năm sau:	0 đồng
b.3. Kinh phí không khoán (141 – 12):	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán giao đầu năm:	1.050.000.000 đồng
- Dự toán giảm trong năm:	(440.000.000) đồng
- Kinh phí quyết toán:	539.625.728 đồng
- KP hủy tại kho bạc (nguồn 12):	70.374.272 đồng
b.4. Kinh phí không khoán (161 – 12):	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán giao trong năm:	1.328.000.000 đồng
- Dự toán giảm trong năm:	(350.000.000) đồng
- Kinh phí quyết toán:	760.858.230 đồng
- KP hủy tại kho bạc (nguồn 12):	217.141.770 đồng
b.5. Kinh phí không khoán (161-12-00496):	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán giao trong năm:	50.000.000 đồng
- Kinh phí quyết toán:	50.000.000 đồng
- KP hủy tại kho bạc (nguồn 12):	0 đồng
b.6. Kinh phí không khoán (161-12-00502):	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán giao trong năm:	10.000.000 đồng
- Kinh phí quyết toán:	9.869.673 đồng
- KP hủy tại kho bạc (nguồn 12):	130.327 đồng
b.7. Kinh phí không khoán (161-12-00516):	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	1.208.000.000 đồng
- Dự toán giao trong năm:	518.000.000 đồng
- Dự toán giảm trong năm:	(263.646.331) đồng
- Kinh phí quyết toán:	1.073.109.669 đồng
- KP hủy tại kho bạc (nguồn 12):	389.244.000đồng
b.8. Kinh phí không khoán (221 – 12):	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán giao trong năm:	370.000.000 đồng

- Dự toán giảm trong năm: (170.000.000) đồng
- Kinh phí quyết toán: 70.426.187 đồng
- KP hủy tại kho bạc (nguồn 12): 129.573.813 đồng

b.9. Kinh phí không khoán (370 – 398 – 12):

- Dự toán giao trong năm: 30.800.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 30.800.000 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c đính kèm)

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Không có

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán và Báo cáo tài chính: đơn vị thực hiện nộp báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính đúng với thời gian quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: các mẫu biểu báo cáo quyết toán thực hiện đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

+ Về sửa chữa và mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ: Đơn vị có xây dựng Kế hoạch về mua sắm, sửa chữa tài sản năm 2023 theo quy định theo hướng tại công văn số 1102/STC-HCSN ngày 19/5/2017 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn sử dụng kinh phí sửa chữa, mua sắm đã giao trong dự toán chi ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị năm 2017 và những năm tiếp theo (Kế hoạch số 174/KH-SVHTTDL ngày 30/12/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về mua sắm, sửa chữa tài sản năm 2023)

+ Về chế độ chi tiêu: năm 2023, đơn vị có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo cơ chế đã quy định (Quyết định số 613/QĐ-SVHTTDL ngày 30/12/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023)

+ Thực hiện chi tăng thu nhập: Tổng thu nhập tăng thêm năm 2023: 431.800.000 đ. Người có thu nhập tăng thêm cao nhất 10.200.000 đ, Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất 2.550.000 đ.

+ Về hạch toán thu, chi mục lục ngân sách nhà nước: đơn vị hạch toán đúng theo mục lục ngân sách.

+ Về sổ sách kế toán: tại thời điểm kiểm tra, đơn vị có lập các loại sổ theo quy định Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp như Báo cáo tài chính, sổ cái, sổ chi tiết chi phí, sổ theo dõi dự toán, sổ chi tiết các tài khoản, sổ tiền gửi, nhật ký sổ cái, sổ theo dõi tài sản cố định, sổ quỹ tiền mặt, Sổ tài sản cố định (Mẫu số S24-H); Sổ theo dõi tài sản cố định tại nơi sử dụng, Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng (mẫu số

S26-H), Sổ ghi tăng tài sản cố định, Báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ và công cụ dụng cụ.

+ Về thực hiện công khai: Đơn vị thực hiện công khai tài chính hàng quý đầy đủ, công khai dự toán giao năm 2023 và quyết toán thu chi ngân sách đúng theo thời gian và biểu mẫu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân nhà nước hỗ trợ. Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi; bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính.

+ Về thực hiện thu phí: Đơn vị thực hiện thu và nộp phí theo quy định.

2. Kiến nghị: Không có

Thông báo này được lập thành 02 bản: Sở Tài chính 01 bản, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giữ 01 bản./.

Nơi nhận:

- Sở tài chính;
- VPS;
- Lưu VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**